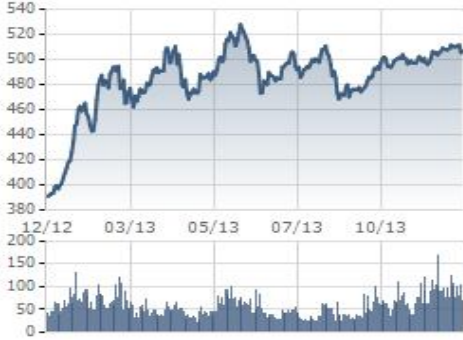


HOSE 13/12/2013

VNINDEX	506.06	-0.86	-0.17%
KLGD	67,670,470	CP	
GTGD	882.47	Tỷ	
GTR NDTNN	-	14.63	Tỷ

CP Tăng giá	116	CP
CP Giảm giá	89	CP
CP Đứng giá	99	CP



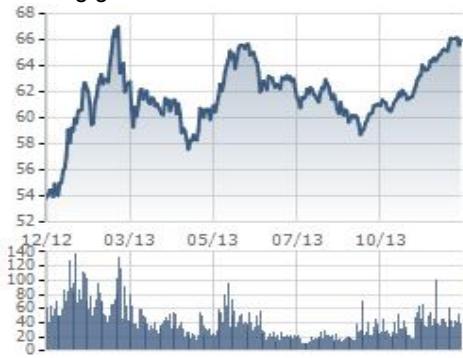
Tâm điểm

- ▶ **Thiếu tin tức hỗ trợ, 2 sàn giao dịch trầm lắng**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn chỉ đạt khoảng 1.100 tỷ đồng.
- ▶ **Dự báo tỷ giá hối đoái sẽ điều chỉnh tăng trong năm 2014**
Góp phần hỗ trợ xuất khẩu và cải thiện cán cân thương mại và cán cân tổng thể Stockbiz
- ▶ **50 tỷ USD phát triển hành lang kinh tế Tiểu vùng sông Mekong**
Nhằm mục đích đẩy mạnh thương mại và đầu tư giữa các quốc gia
VOV Online
- ▶ **EIU: GDP toàn cầu sẽ tăng 3,6% trong năm 2014**
Triển vọng kinh tế toàn cầu đang trở nên sáng sủa hơn
TTXVN
- ▶ **VNM - Đầu tư hơn 2,500 tỷ đồng vào Công ty Miraka của New Zealand**
Giá trị đầu tư của VNM tương đương 19.3% vốn của Công ty Miraka.
Công Lý
- ▶ **EIB - Tổng nợ xấu tăng gần gấp rưỡi sau 9 tháng**
Chúng tôi khuyến nghị nắm giữ đối với cổ phiếu EIB
Hangntt

HNX 13/12/2013

HNXINDEX	66.22	0.25	0.38%
KLGD	26,043,448	CP	
GTGD	228.86	Tỷ	
GTR NDTNN	11.59	Tỷ	

CP Tăng giá	97	CP
CP Giảm giá	71	CP
CP Đứng giá	211	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	566.47	-0.93	-0.16%
HNX30	125.01	0.26	0.21%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Theo thị trường					
HOSE	847,658	2,354	12.2	2.9	2.88
HNX	104,348	725	16.5	1.6	4.31
Toàn bộ thị trường	952,006	1,854	13.1	2.8	3.08

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,942	4,300	6.3	1.0	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,979	5,436	6.5	1.6	0.39
Thép và sản phẩm thép	27,288	1,427	13.7	1.5	1.84
Khai khoáng	11,998	749	39.4	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,875	1,002	11.7	1.3	1.66
Xây dựng	22,972	- 396	22.2	0.8	3.19
Máy công nghiệp	8,286	2,915	8.4	1.5	0.65
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,625	3,097	10.8	1.4	0.43
Lốp xe	6,075	4,405	7.6	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,205	1,641	10.5	1.1	1.96
Thực phẩm	201,115	3,860	22.1	5.6	0.76
Dược phẩm	13,812	5,962	10.8	3.1	0.79
Phần mềm	13,119	5,015	8.1	1.8	1.11
Sản xuất & phân phối điện	20,924	2,218	6.5	1.2	1.19
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,519	6,178	9.5	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	26,879	1,618	24.4	2.3	3.18
Môi giới chứng khoán	17,049	696	14.3	1.0	0.58
Ngân hàng	197,931	1,666	10.2	1.3	9.66
Bất động sản	127,528	1,345	16.8	2.8	2.05
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	25,871	3,970	8.2	1.5	1.46

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Dự báo tỷ giá hối đoái sẽ điều chỉnh tăng trong năm 2014

Cụ thể, trong cuộc hội thảo về tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, ông Glenn B. Maguire – chuyên gia kinh tế trưởng khu vực Châu Á Thái Bình Dương của ANZ - dự báo đồng tiền Việt Nam sẽ ở mức 21.500 đồng/USD vào giữa năm 2014. Bên cạnh đó, ông Sumit Dutta - Tổng Giám đốc Ngân hàng HSBC Việt Nam - cũng dự báo tỉ giá đồng VN và USD tăng từ 21.250 đồng (năm 2013) đến 21.500 đồng (năm 2014).

50 tỷ USD phát triển hành lang kinh tế Tiều vùng sông Mekong

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tại Hà Nội ngày 12.12 cho biết, các nước Việt Nam, Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan; tỉnh Vân Nam và Khu tự trị Quảng Tây của Trung Quốc đã nhất trí xây dựng một danh mục các dự án có tiềm năng với tổng vốn đầu tư 50 tỷ USD trong một Hiệp định Khuôn khổ đầu tư khu vực (RIF) mới, bao gồm cả các khoản đầu tư vào những lĩnh vực phi truyền thống như đường sắt và các dự án đa lĩnh vực từ nay đến năm 2022.

EIU: GDP toàn cầu sẽ tăng 3,6% trong năm 2014

Bộ phận dự báo, phân tích và tư vấn rủi ro (EIU) thuộc tập đoàn Nhà Kinh tế của Anh ngày 12-12 công bố báo cáo nhận định triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2014. Theo đó, EIU dự báo GDP toàn cầu sẽ tăng 3,6% trong năm 2014. GDP của Mỹ sẽ tăng 1,7% trong năm nay trước khi tăng lên 2,6% trong năm tới; GDP của Eurozone sẽ tăng 0,9% trong năm 2014; GDP của Nhật Bản sẽ tăng 1,7%; GDP của Trung Quốc sẽ giảm từ 7,7% trong năm nay xuống khoảng 7,3% năm sau.

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

DPR - 11 tháng, đạt 58,4% kế hoạch lợi nhuận

CTCP Cao su Đồng Phú (HOSE: DPR) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11/2013. Theo đó, DPR tiêu thụ được 1.636 tấn mủ cao su, với giá trung bình 50,5 triệu đồng/tấn, đạt 87,1 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế gần 32,8 tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng, DPR đạt lợi nhuận trước thuế hơn 300 tỷ đồng, tương đương 58,4% kế hoạch năm. Nguyên nhân chính khiến lợi nhuận giảm là do giá tiêu thụ cao su giảm khá mạnh, khi 11 tháng đầu năm nay chỉ đạt trung bình 53,6 triệu đồng/tấn, trong khi cùng kỳ năm ngoái đạt 62,6 triệu đồng/tấn.

VNM - Đầu tư hơn 2,500 tỷ đồng vào Công ty Miraka của New Zealand

CTCP Sữa Việt Nam - Vinamilk (HOSE: VNM) đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư vào nhà máy Miraka tại New Zealand. Theo đó, VNM sẽ tăng vốn đầu tư vào Công ty Miraka Limited (New Zealand) từ 121 triệu đô la New Zealand (NZD) lên 147.945.157 NZD (tương đương 2.534 tỷ đồng) để đầu tư thêm dây chuyền sản xuất sữa tươi tiệt trùng UHT. Khoản vốn đầu tư của VNM tương đương 19,3% vốn của Công ty Miraka. Được biết, từ tháng 11/2013, Vinamilk chính thức cung cấp cho người tiêu dùng Việt Nam sản phẩm mới sữa tươi 100% nhãn hiệu Twin Cows được sản xuất ở New Zealand.

MBB: Niêm yết và giao dịch 63 triệu cp phát hành thêm

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có thông báo số 1018/2013/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm của Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB). Theo đó, MBB được niêm yết và giao dịch bổ sung 63.125.000 cổ phiếu phát hành thêm với tổng giá trị chứng khoán niêm yết là 631.250.000.000 đồng. Đây là số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu, các đối tác và cán bộ công nhân viên công ty. Ngày niêm yết có hiệu lực là 16/12/2013 và ngày chính thức giao dịch sẽ khác nhau tùy theo đối tượng được mua cổ phiếu phát hành thêm.

HOSE 13/12/2013 VNINDEX 506.06 -0.86 -0.17% 67,670,470 CP 882.47 bil VND

Thiếu tin tức hỗ trợ, 2 sàn giao dịch trầm lắng

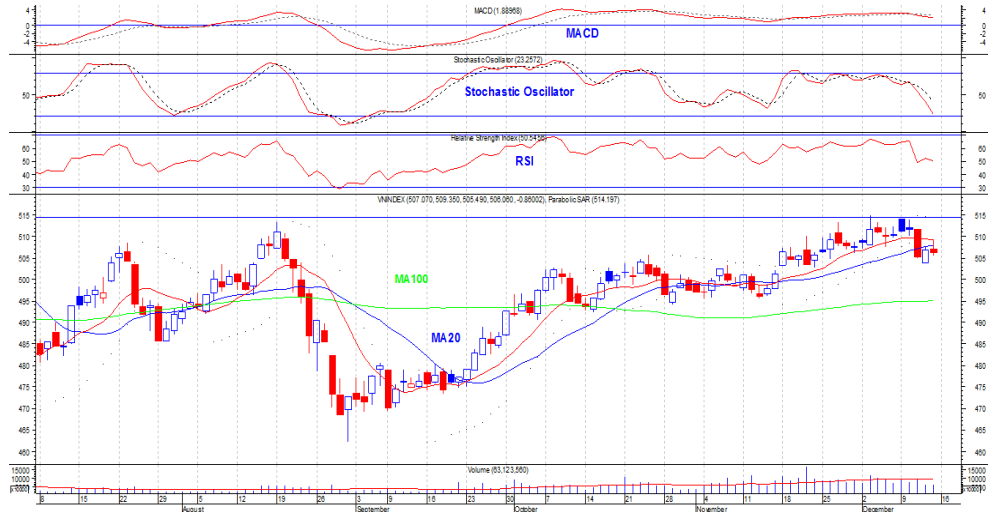
VN-Index giảm 0.86 điểm (-0.17%), đóng cửa tại mức 506.06 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, giảm điểm, thể hiện sự lưỡng lự và thận trọng trở lại ở sàn này.

- 2 đường MA10 và MA20 đi ngang và vẫn duy trì trên đường giá.

- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi xuống và tăng khả năng cắt xuống đường Zero - base, vì vậy xu hướng ngắn hạn vẫn chưa thực sự an toàn.

- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh và sắp đi vào ngưỡng quá bán.

- RSI(14) giảm xuống mức 50.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.6 (6.5%)	7,256,560
VHG	-0.3 (-4.3%)	4,515,090
HLA	-0.2 (-4.0%)	2,982,590
OGC	0.3 (2.7%)	2,726,260
ITA	0 (0.0%)	2,637,660

HOSE Top 5 theo % tăng

PXM	0.1 (9.1%)	89,100
TYA	0.5 (6.9%)	108,190
KAC	0.6 (6.9%)	5,200
KTB	0.4 (6.9%)	368,920
TNT	0.2 (6.9%)	250,480

HOSE Top 5 theo % giảm

GDT	-1.7 (-6.8%)	3,080
VNH	-0.4 (-6.7%)	816,720
CIG	-0.2 (-6.5%)	1,020
VPH	-0.6 (-6.5%)	316,550
TIC	-0.7 (-6.4%)	280

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	21,0 tỷ	353,810
GMD	5,9 tỷ	173,210
VSH	4,0 tỷ	272,500
DPM	3,7 tỷ	90,960
HAG	3,1 tỷ	150,650

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

CTG	-32,6 tỷ	#VALUE!
VCB	-7,5 tỷ	279,860
MSN	-6,9 tỷ	80,600
CII	-3,8 tỷ	207,000
VIC	-3,6 tỷ	49,980

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,552,260	- 14.63

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực bán không còn thực sự nhiều, nhưng lực cầu đẩy giá lên cũng khá yếu chính vì vậy mà giao dịch diễn ra trầm lắng. Nhiều mã đã dùng đà giảm và hồi phục khá tốt.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng trong bối cảnh chưa có nhiều tin tức hỗ trợ.
- ▶ Thị trường nhiều khả năng sẽ tích lũy trở lại vùng 504 - 513 điểm. Trong trường hợp xấu ngưỡng 500 - 502 sẽ hỗ trợ mạnh cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ trở lại. Động thái cơ cấu danh mục của quỹ ETF có lẽ sẽ quyết định nhiều tới xu hướng của VN-Index trong 1 - 2 tuần tới.
- ▶ NĐT sau khi gia tăng tỷ trọng CP, giữ ở mức hợp lý, tránh mua đuổi trở lại. Trong trường hợp xấu, sẵn sàng giảm trọng thái nếu vùng hỗ trợ 500 - 502 bị phá vỡ.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	64.5	122,227.50	6,696	9.6	3.7	0.40
VNM	833.5	140.0	116,686.50	8,053	17.4	6.9	0.22
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.7	4.0	2.74
MSN	734.9	86.0	63,202.38	556	156.5	4.4	1.77
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	2,287	7.4	1.3	9.54
VCB	2,317.4	26.7	61,875.04	1,757	15.4	1.5	9.59
BVH	680.5	39.2	26,674.48	1,618	24.4	2.3	3.18
STB	1,142.5	17.0	19,422.70	703	24.5	1.2	8.60
PVD	275.3	60.0	16,515.49	6,608	9.2	1.7	1.13
EIB	1,235.5	13.0	16,061.80	965	13.4	1.1	9.45

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.4	2,884.24	18.1	1.0	NA	T.ĐỒI
PPC	318.2	24.6	7,826.60	4.0	1.5	NA	T.ĐỒI
PHR	78.5	31.5	2,472.44	6.0	1.2	31.0	GIỮ
BMP	45.5	71.5	3,251.71	8.5	2.2	NA	T.ĐỒI
VSC	28.6	53.0	1,518.24	6.7	1.9	NA	T.ĐỒI
DPM	379.9	41.2	15,653.29	6.3	1.6	NA	T.ĐỒI

HNX 13/12/2013 HNX-Index 66.22 0.25 0.38% 26,043,448 CP 228.86 bil. VND

Thiếu tin tức hỗ trợ, 2 sàn giao dịch trầm lắng

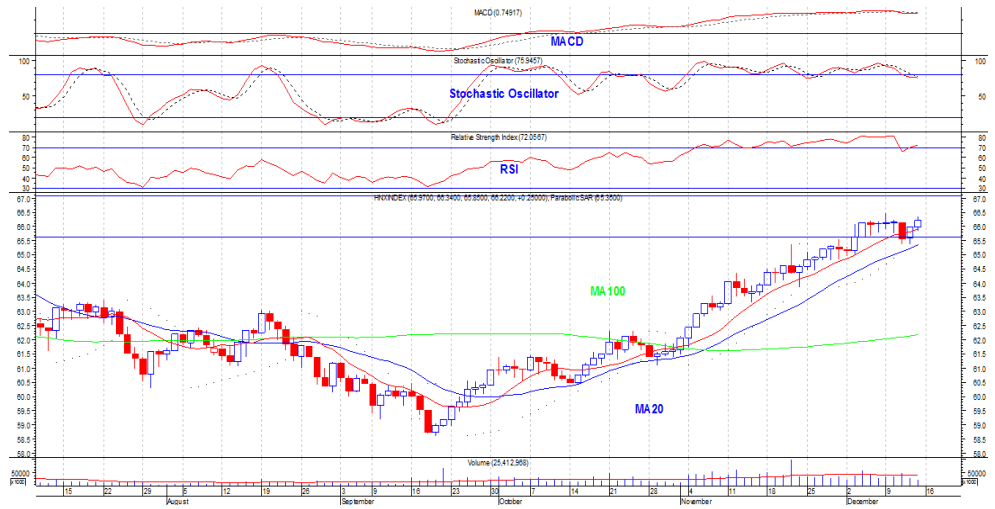
Chỉ số HNX-Index tăng 0.25 điểm (+0.38%), đóng cửa tại mốc 66.22 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nền ngắn, tiếp tục tăng điểm nhẹ, hồi phục sát với mức đỉnh giai đoạn vừa rồi.

- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang tăng nhẹ, cho thấy xu hướng tăng điểm ngắn hạn của HNX-Index vẫn đang được giữ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống, ra khỏi vùng quá mua.

- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi xuống.

- RSI (14) quay trở lại vùng quá mua ở mức 70.



HNX Top 5 theo KLGD

VCG	0.2 (1.9%)	2,829,610
PVX	0 (0.0%)	1,823,330
SCR	-0.1 (-1.4%)	1,558,970
SHN	0.1 (5.9%)	1,211,840
SHB	0 (0.0%)	1,168,180

HNX Top 5 theo % tăng

MDC	0.7 (9.9%)	1,600
BHV	0.4 (9.8%)	500
VNF	1.6 (9.8%)	300
GMX	1.3 (9.6%)	11,500
BDB	0.4 (8.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

TVD	-1 (-9.4%)	900
KST	-0.5 (-9.1%)	100
MMC	-0.3 (-8.3%)	3,100
NVC	-0.1 (-8.3%)	219,900
PTS	-0.4 (-8.3%)	2,300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	8,0 tỷ	430,000
SHB	2,8 tỷ	400,600
OCH	0,5 tỷ	20,000
EID	0,5 tỷ	34,600
SDT	0,2 tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VCS	-0,5 tỷ	40,000
RCL	-0,1 tỷ	3,400
PVC	-0,1 tỷ	4,600
S91	-0,1 tỷ	4,700
TIG	-0,1 tỷ	8,700

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	853,000	11.59

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Giao dịch trên sàn HNX khá nhẹ nhàng. Dường như cả bên mua và bán đều đang muốn tìm điểm cân bằng ở vùng giá này. Vì thế mà chỉ số không biến động nhiều.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng trong bối cảnh chưa có nhiều tin tức hỗ trợ.
- ▶ Thị trường nhiều khả năng sẽ tích lũy trở lại vùng 65 - 67 điểm. Trong trường hợp xấu, ngưỡng 65 điểm sẽ hỗ trợ khá mạnh cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng tích cực ở sàn này. Động thái cơ cấu danh mục của quỹ ETF có lẽ sẽ ảnh hưởng nhiều tới xu hướng của HNX-Index trong 1 - 2 tuần tới.
- ▶ NĐT sau khi gia tăng tỷ trọng CP, giữ ở mức hợp lý, tránh mua đuổi trở lại. Trong trường hợp xấu, sẵn sàng giảm trạng thái nếu vùng hỗ trợ 65 điểm bị phá vỡ.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.7	8,353.30	2,872	6.5	1.1	2.15
SHB	886.1	6.9	6,113.98	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	26.1	5,220.00	687	37.6	2.4	0.95
VCG	441.7	10.7	4,726.30	403	26.1	0.9	3.58
PVI	226.3	16.4	3,710.58	1,239	13.2	0.6	0.81
LAS	77.8	36.6	2,848.65	5,181	7.0	2.2	1.11
NTP	43.3	59.5	2,578.61	7,195	8.3	2.1	0.44
VNR	100.8	23.3	2,349.28	3,470	6.7	1.0	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.3	1,075.40	5.1	1.2	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	17.4	344.52	5.0	0.7	NA	T.ĐỒI
VND	96.9	10.2	988.75	7.8	0.8	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	59.5	2,578.61	8.3	2.1	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	55.0	110.00	2.3	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	45.0	354.37	5.6	1.6	NA	T.ĐỒI

Hang T. Nguyen

hangntt@vietinbanksc.com.vn

Mã CK EIB
Tên công ty Eximbank
Sở giao dịch HOSE
Ngành Ngân hàng
SLCPLH 1235.52 triệu CP
GTVH (tỷ) 16,062 tỷ VND

Giá hiện tại **13.0**
 Giá mục tiêu **13.0**

GIỮ

► EIB: Tổng nợ xấu tăng gần gấp rưỡi sau 9 tháng

Nợ xấu của EIB tại thời điểm tháng 9 năm 2013 đã tăng gần gấp rưỡi (47.4%) từ 988 tỷ đồng lên 1,456 tỷ đồng so với cuối năm 2012, nâng tỷ lệ nợ xấu từ 1.32% lên đến 1.8%. Trong đó, nợ có khả năng mất vốn giảm nhẹ, nhưng nợ nhóm 3 và nhóm 4 tăng mạnh, lần lượt là 2.6 và 6.4 lần. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung toàn ngành, tỉ lệ nợ xấu của EIB vẫn ở mức thấp, dưới 2%.

Nhận định: EIB là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 8 trong ngành, và chiếm 3.9% thị trường cho vay (tại thời điểm cuối năm 2012). Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô suy giảm vào năm 2012, EIB đã có những chiến lược đối phó kịp thời bằng việc cắt giảm chi phí trong đó có chi phí nhân sự, cũng như là mua cổ phiếu quỹ để hỗ trợ giá đang trên đà giảm mạnh.

Tính đến tháng 9 năm 2013, tổng tài sản của EIB đã giảm 15,600 tỷ xuống còn 154,477 tỷ đồng. Tổng tài sản giảm đáng kể như vậy là do tổng tiền mặt, vàng và đá quý của ngân hàng giảm đến 86% sau thương vụ mua lại cổ phiếu quỹ của ngân hàng. Lợi nhuận của ngân hàng cũng giảm đến một nửa do sự giảm đáng kể của thu nhập lãi thuần. Nguyên nhân có thể là do sự quản lý rủi ro về lãi suất và tài sản chưa được hợp lý dẫn đến chi phí lãi giảm nhiều hơn so với thu nhập lãi.

Với tình hình kinh doanh như quý 3 năm 2013, EIB khó có thể đạt được kế hoạch kinh doanh cả về tổng tài sản lẫn lợi nhuận. Cụ thể, tổng tài sản hiện nay giảm 10% thay vì tăng 12% như kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế là 1,155 tỷ đồng, chỉ đạt 36% so với kế hoạch 3,200 tỷ đồng. Điều này có thể được giải thích bằng việc lãi suất giảm dẫn đến giảm thu nhập lãi thuần cùng với việc trích lập dự phòng cao do nợ xấu tăng.



Các chỉ số lợi nhuận ROA, ROE và NIM đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái (đơn cử là ROE, từ 5% quý 1 năm 2012 giảm xuống còn khoảng 2% quý 3 năm 2013) do sự sụt giảm đến 28% của lợi nhuận.

Tính thanh khoản của EIB đã giảm đi do sự giảm mạnh của tỉ lệ tiền mặt sau thương vụ mua cổ phiếu quỹ. Tỉ lệ cho vay/ tiền gửi lớn hơn 100% cũng cho thấy tính thanh khoản đang cần báo động.

Cổ phiếu EIB đang giao dịch xung quanh 12.5 -13.5 và chưa thấy có dấu hiệu bứt phá. P/B lớn hơn 1 và cao hơn trung bình ngành, cho thấy nhà đầu tư vẫn đang trả giá cao so với giá trị sổ sách của ngân hàng.

Theo phương pháp so sánh chỉ số, cổ phiếu EIB được định giá ở mức 13.0, giao dịch ngang so với mức giao dịch hiện tại, khuyến nghị "NẮM GIỮ" đối với cổ phiếu EIB.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Thu nhập lãi thuần	1,417.6	1,155.8	856.1	809.9	743.7	688.6
Thu nhập dịch vụ	64.6	55.9	54.2	59.8	72.6	72.3
Thu nhập HDKD khác	- 31.8	18.7	331.4	12.7	134.5	218.0
Chi phí hoạt động	479.8	586.8	789.3	493.1	480.6	504.1
Lãi ròng	639.4	414.1	313.1	291.9	289.4	298.3
Tổng dư nợ	136,693	115,784	132,437	101,984	103,694	116,991
Tài sản khác	49,241	45,046	37,814	57,243	52,617	37,486
Tổng tài sản	185,934	160,830	170,252	159,226	156,312	154,477
Công nợ	170,673	145,292	154,420	144,167	141,820	139,689
Vốn chủ sở hữu	15,261	15,537	15,832	15,059	14,492	14,787

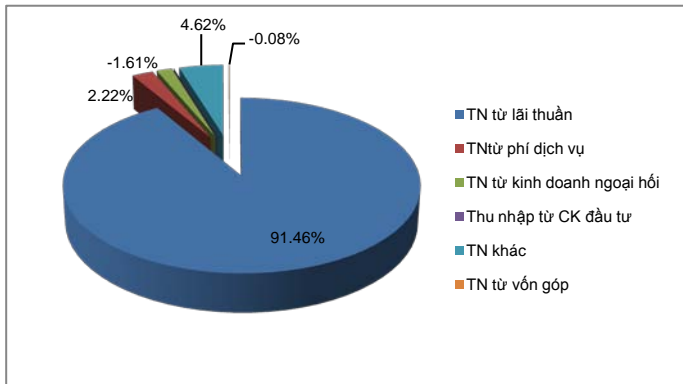
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	ROA
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	0.56%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	2,287	7.4	1.3	1.29%
EIB	1,235.5	12.9	15,938.25	965	13.4	1.1	0.75%
MBB	1,125.6	12.6	14,182.88	2,037	6.2	0.9	1.24%
NVB	297.7	7.3	2,172.99	- 278	- 26.3	0.7	-0.36%
SHB	886.1	6.9	6,113.98	1,884	3.7	0.6	1.51%
STB	1,142.5	17.2	19,651.20	703	24.5	1.2	0.50%
VCB	2,317.4	27.0	62,570.26	1,757	15.4	1.5	0.95%

Chỉ số bình quân ngành

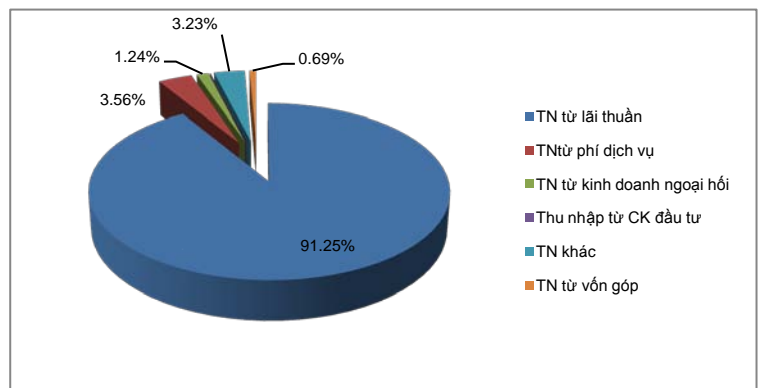
Ngân hàng	197,931.00	907	18.7	0.6	0.99%
-----------	------------	-----	------	-----	-------

► Cơ cấu doanh thu thuần

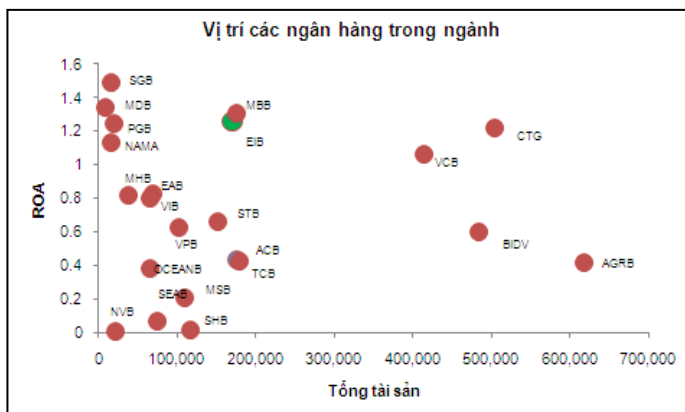
2012



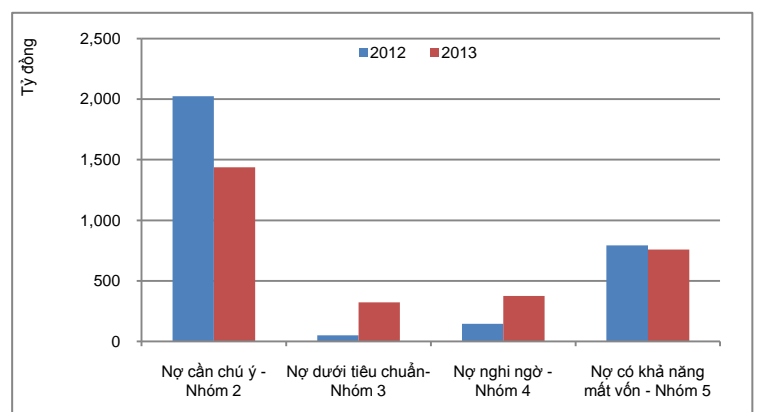
9 tháng 2013



Vị trí của EIB so với toàn ngành



Nợ phân theo nhóm



KẾT QUẢ KINH DOANH					BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	4,946	8,331	18,483	17,418	Tiền mặt & tương đương	8,954	7,970	9,461	15,479
Thu nhập lãi ròng	1,975	2,883	5,304	4,901	Tiền gửi/cho vay TCTC khác	6,976	32,111	64,529	57,515
Thu nhập lãi	4,344	7,545	17,550	16,932	Chứng khoán kinh doanh	99	-	-	-
Chi phí lãi	(2,369)	(4,662)	(12,246)	(12,030)	Cho vay khách hàng	38,003	61,718	74,045	74,316
Thu nhập ngoài lãi	601	787	933	486	Chứng khoán đầu tư	8,401	20,695	26,377	11,752
Tổng thu nhập hoạt động	2,577	3,670	6,237	5,387	Đầu tư dài hạn khác	766	1,295	928	2,388
Chi phí hoạt động	(907)	(1,027)	(1,910)	(2,297)	Tài sản cố định	938	1,068	1,913	3,315
Chi phí dự phòng	(137)	(265)	(271)	(239)	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
LNR trước thuế	1,533	2,378	4,056	2,851	Tài sản khác	1,307	6,238	6,315	5,391
Thuế	(400)	(563)	(1,017)	(712)	Tổng tài sản	65,448	131,111	183,567	170,155
LNR sau thuế	1,132	1,815	3,039	2,139	Vay NHNN	1,611	2,106	1,312	15
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	Tiền gửi/vay từ TCTD khác	2,528	33,370	71,859	58,046
LNR sau lợi ích thiểu số	1,132	1,815	3,039	2,139	Huy động từ dân cư	38,766	58,151	53,653	70,458
EPS	1.287	1.718	2.460	1.731	Giấy tờ có giá	8,229	20,856	19,368	11,968
					Nợ khác	960	3,118	21,072	13,856
					Tổng nợ	52,095	117,600	167,265	154,344
					Vốn	8,800	10,560	12,355	12,355
					Sổ phiếu quỹ	-	-	-	-
					Vốn khác	3,727	1,967	172	172
					Quỹ	378	641	1,116	1,391
					Lợi nhuận giữ lại	449	343	2,660	1,894
					Tổng vốn chủ sở hữu	13,353	13,511	16,303	15,812
					Cổ đông thiểu số	-	-	-	-
					Tổng nợ & vốn CSH	65,448	131,111	183,567	170,156
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					TĂNG TRƯỞNG				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Khả năng sinh lợi					Tài sản		100.3%	40.0%	-7.3%
Thu nhập lãi/tổng thu nhập	76.7%	78.6%	85.0%	91.0%	Vốn CSH		1.2%	20.7%	-3.0%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng TN	23.3%	21.4%	15.0%	9.0%	Cho vay khách hàng		62.4%	20.0%	0.4%
					Huy động từ dân cư		50.0%	-7.7%	31.3%
Tỷ lệ lãi biên	45.5%	38.2%	30.2%	28.9%	Thu nhập lãi		73.7%	132.6%	-3.5%
Chi phí/Thu nhập	54.5%	61.8%	69.8%	71.1%	Chi phí lãi		96.8%	162.7%	-1.8%
Khả năng thanh toán					Thu nhập lãi ròng		45.9%	84.0%	-7.6%
Dư nợ KH/huy động KH	98.0%	106.1%	138.0%	105.5%	Thu nhập ngoài lãi		30.8%	18.7%	-48.0%
Dư nợ KH/Tổng huy động	92.0%	67.4%	59.0%	57.8%	Thu nhập hoạt động		42.4%	70.0%	-13.6%
					Chi phí hoạt động		13.2%	86.0%	20.3%
Hệ số an toàn vốn					Lợi nhuận trước thuế		55.1%	70.6%	-29.7%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	Lợi nhuận ròng		60.2%	67.5%	-29.6%
Chất lượng tín dụng									
Nợ xấu/tổng dư nợ	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Dự phòng/nợ xấu	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Tỷ suất sinh lời									
ROA	1.7%	1.4%	1.7%	1.3%					
ROA	8.5%	13.4%	18.6%	13.5%					

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,942	4,300	6.3	1.0	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,979	5,436	6.5	1.6	0.39
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	997	302	17.6	0.5	2.06
Sản xuất giấy	606	397	17.8	0.7	1.06
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,288		13.7	1.5	1.84
Khai khoáng					
Khai thác than	1,382	312	29.2	0.8	5.21
Khai khoáng	11,998	749	39.4	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,875	1,002	11.7	1.3	1.66
Xây dựng	22,972	396	22.2	0.8	3.19
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,069	2,624	6.8	1.1	1.03
Công nghiệp phức hợp	300	1,656	4.3	0.6	0.36
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,637	1,280	10.5	1.1	1.07
Thiết bị điện	1,509	438	13.0	0.7	1.12
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	30	53	103.1	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,286	2,915	8.4	1.5	0.65
Vận tải					
Vận tải thủy	6,470	2,796	2.8	0.8	1.73
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,625	3,097	10.8	1.4	0.43
Dịch vụ vận tải	4,660	1,642	10.5	1.3	0.83
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,702	1,804	8.5	1.1	2.91
Đào tạo & Việc làm	207	369	20.7	0.6	1.98
Nhà cung cấp thiết bị	161	885	8.4	0.8	2.40
Chất thải & Môi trường	115	6,484	1.9	0.7	1.30
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,852	1,077	13.8	4.4	36.23
Lốp xe	6,075	4,405	7.6	2.3	1.28
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,232	2,750	6.2	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	203	1,484	15.3	1.6	1.01
Đồ uống & giải khát	200	3,598	5.2	1.0	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,205	1,641	10.5	1.1	1.96
Thực phẩm	201,115	3,860	22.1	5.6	0.76
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	36	692	4.3	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	1,992	2,036	8.1	1.0	1.19
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	163	4,808	3.7	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,439	2,422	8.0	1.2	1.61
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,719	3,084	9.7	1.7	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	696	-	27.2	0.9	2.64

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,051	2,542	7.3	1.1	0.61
Dụng cụ y tế	90	5,281	2.5	1.2	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	150	870	15.1	0.9	0.43
Dược phẩm	13,812	5,962	10.8	3.1	0.79
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	424	453	74.3	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	586	471	29.0	1.0	1.09
Phân phối hàng chuyên dụng	2,677	3,177	8.3	1.6	3.89
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	985	1,589	6.9	0.8	0.65
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	2.2	1.04
Khách sạn	5,631	583	40.2	2.4	0.90
Dịch vụ giải trí	1,934	605	20.9	1.6	0.82
Vận tải hành khách & Du lịch	1,053	914	18.6	1.9	0.52
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	43	628	10.1	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	427	63	80.0	0.6	1.30
Internet	333	72	62.7	0.8	3.45
Phần mềm	13,119	5,015	8.1	1.8	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	280	555	12.1	0.4	1.44
Thiết bị văn phòng	195	3,383	4.6	0.8	0.21
Thiết bị viễn thông	1,911	711	13.9	0.7	0.33
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,924	2,218	6.5	1.2	1.19
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	127,519	6,178	9.5	3.6	0.45
Nước	921	2,445	4.9	0.9	0.60
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,114	959	9.7	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,726	1,272	11.1	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,349	3,470	6.7	1.0	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,879	1,618	24.4	2.3	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,300	196	56.0	1.0	2.61
Môi giới chứng khoán	17,049	696	14.3	1.0	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	197,931	1,666	10.2	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	127,528	1,345	16.8	2.8	2.05
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	720	4.6	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	25,871	3,970	8.2	1.5	1.46

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.